

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2018

*“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, chia tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Kim Mên;

2. Ông Tăng Trung Bảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Bà Hà Thùy A, sinh năm 1999 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Phấn K (Có mặt).

Địa chỉ: Số A đường B, khóm C, phường D, thành phố F, tỉnh E.

2/. Bị đơn: Ông Lâm Văn B, sinh năm 1995 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã N, huyện M, tỉnh S.

3/. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị D (Trần Ngọc D), sinh năm 1961. Bà Trần Thị D ủy quyền cho ông Lâm Văn H theo văn bản ủy quyền ngày 04/5/2018. (Ông H có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Lê Văn Xe, xã Ngọc Đông, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4/. *Người làm chứng:* Ông Phan Văn Q, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 20 tháng 9 năm 2017 nguyên đơn bà Hà Thùy A trình bày:

Bà và ông Lâm Văn B cưới nhau năm 2016 không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do ông B không đồng ý đi đăng ký kết hôn và không cho bà sinh con.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung: Có 01 dây chuyền 04 chỉ vàng 24k, 01 mặt dây chuyền 01 chỉ vàng 24k, 01 lắc 05 chỉ vàng 24k, 03 chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 24k, 01 kiềng tay 02 chỉ vàng 24k, 01 kiềng cổ 02 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông 07 phân vàng 18k, 01 nhẫn cưới 03 phân vàng 18k, 01 dây chuyền 01 chỉ 07 phân vàng 18k, 07 chiếc vòng simen 03 chỉ 03 phân vàng 18k. Tổng cộng là 17 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k sau khi bà không chung sống cùng ông B thì số vàng trên mẹ chồng bà là bà Trần Thị D quản lý.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi khởi kiện bà Hà Thùy A có đơn xin xét xử vắng mặt từ giai đoạn sơ thẩm và những hoạt động tố tụng khác đến khi giải quyết xong vụ án. Đồng thời bà A yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà và ông B là vợ chồng, về tài sản bà yêu cầu được chia là 08 chỉ 05 phân vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k.

Tại tờ tường trình ngày 19/10/2017, biên bản ghi lời khai ngày 02/11/2017 ông Lâm Văn B trình bày: Ông và bà A cưới nhau vào tháng 12/2016 không có đăng ký kết hôn sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 9/2017 thì bà A xin về nhà cha mẹ ruột để giữ nhà dùm sau đó thì không về cho đến nay. Nay bà A xin ly hôn ông không đồng ý vì ông còn thương vợ không muốn ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới cha mẹ ông có cho gồm: 01 dây chuyền 03 chỉ vàng 24k, 02 vòng cổ 02 chỉ vàng 24k, 01 lắc 02 chỉ vàng 24k, 01 chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 24k, 07 chiếc vòng simen 04 chỉ vàng 18k, 01 đôi bông 01 chỉ vàng 18k, 01 dây chuyền 01 chỉ vàng 18k. Tổng cộng là 10 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k. Hiện nay mẹ ông là bà D đang quản lý 06 chỉ vàng 18k, đối với 10 chỉ vàng 24k khi chung sống vợ chồng ông có bán nuôi tôm và thua lỗ hết.

Tại tờ tường trình ngày 27/10/2017, biên bản ghi lời khai ngày 02/11/2017 của bà Trần Thị D, tại phiên tòa ông Lâm Văn H đại diện ủy quyền của bà Trần

Thị D trình bày: Về số vàng cưới bên gia đình ông có cho là 10 chỉ vàng 24k gồm kiềng 2 chỉ, dây chuyền 3 chỉ, vòng 2 chỉ, lắc 3 chỉ và 06 chỉ vàng 18k gồm vòng simen 4 chỉ, dây chuyền 01 chỉ, bông tai 01 chỉ, số vàng trên sau khi về thì vợ chồng ông B bà A đã bán để nuôi tôm vợ chồng ông không quản lý, đối với số vàng 18k hiện nay bà D đang quản lý là do khi bà A về nhà mẹ ruột bà A thì mẹ bà A có mời vợ chồng ông qua đồng thời trả lại số vàng 06 chỉ vàng 18k nên tại phiên tòa hôm nay ông không đồng ý trả lại cho cho vợ chồng bà A.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2018 người làm chứng ông Phan Văn Q trình bày: Ông có nghe mẹ vợ ông là bà T có đưa vàng 18k cho bà D nhưng về số lượng bao nhiêu thì ông không biết do các bên nói chuyện ông nghe thôi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Dương Phấn K trình bày: Về quan hệ hôn nhân của ông B và bà A tại phiên tòa ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng. Về tài sản chung gồm 01 dây chuyền 04 chỉ vàng 24k, 01 mặt dây chuyền 01 chỉ vàng 24k, 01 lắc tay 03 chỉ vàng 24k, 01 kiềng tay 02 chỉ vàng 24k, 01 vòng cổ 02 chỉ vàng 24k, 01 cặp nhẫn cưới 02 chỉ vàng 24k, 07 chiếc vòng simen 04 chỉ vàng 18k, 01 đôi bông 01 chỉ vàng 18k, 01 dây chuyền 01 chỉ vàng 18k. Tổng cộng là 14 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k đó là tài sản chung của vợ chồng bà A và ông B nhưng khi bà A về nhà cha mẹ ruột bà A thì số vàng trên bà D đang quản lý. Tại phiên tòa ông yêu cầu được chia đôi số vàng hiện nay bà D đang quản lý.

Tại phiên tòa hôm nay kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Hà Thùy A, ông Lâm Văn B và ông Phan Văn Q.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ chung sống của bà A và ông B là vợ chồng. Về con chung không có. Về tài sản: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số vàng 18k hiện nay bà D đang quản lý 06 chỉ đề nghị chia đôi mỗi người 03 chỉ, đối với số vàng 24k trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phía nguyên đơn không chứng minh được nên không có cơ sở chấp nhận, về nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Hà Thùy A, bị đơn ông Lâm Văn B, người làm chứng ông Phan Văn Q đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, bà A, ông B có đơn xin xét xử vắng mặt. Áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà A, ông B, ông Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa bà Hà Thùy A và ông Lâm Văn B là loại kiện hôn nhân và gia đình, bà A và ông B cưới nhau năm 2016, không có đăng ký kết hôn, qua xác minh tại chính quyền địa phương để tìm hiểu về tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng bà A và ông B, chính quyền địa phương cho biết bà A và ông B cưới nhau không đăng ký kết hôn, về nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Hà Thùy A và ông Lâm Văn B là vi phạm khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà Hà Thùy A không tìm thấy hạnh phúc trong hôn nhân của mình và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình thụ lý đơn yêu cầu của bà Hà Thùy A và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hà Thùy A và ông Lâm Văn B.

[3] Về con chung: Không có;

[4] Về tài sản chung: Theo đơn khởi kiện của bà A thì có 17 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k gồm: 01 dây chuyền 04 chỉ vàng 24k, 01 mặt dây chuyền 01 chỉ vàng 24k, 01 lắc 05 chỉ vàng 24k, 03 chiếc nhẫn 03 chỉ vàng 24k, 01 kiềng tay 02 chỉ vàng 24k, 01 kiềng cổ 02 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông 07 phân vàng 18k, 01 nhẫn cưới 03 phân vàng 18k, 01 dây chuyền 01 chỉ 07 phân vàng 18k, 07 chiếc vòng simen 03 chỉ 03 phân vàng 18k hiện nay bà D đang quản lý bà A yêu cầu chia đôi. Theo lời trình bày của ông B thì tài sản ngày cưới gồm có 10 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k số vàng đó trong thời gian chung sống vợ chồng ông đã bán 10 chỉ vàng 24k để nuôi tằm và đã thua lỗ hết hiện nay còn giữ 06 chỉ vàng 18k mẹ ông là bà D đang quản lý, số vàng 06 chỉ vàng 18k ông không đồng ý chia vì khi bà A đi đã trả số vàng đó lại cho mẹ ông. Xét thấy, theo yêu cầu của bà A được chia đôi số vàng cưới là 17 chỉ vàng 24k và 06 chỉ vàng 18k nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà A không chứng minh được số vàng hiện nay còn là bao nhiêu, tòa án đã thông báo yêu cầu bà A cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng bà A không chứng minh được yêu cầu của bà nên từ đó không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà về việc yêu cầu chia 17 chỉ vàng 24k, chấp nhận 01 phần yêu cầu của bà A đối với 06 chỉ vàng 18k hiện nay bà D đang quản lý đây là tài sản chung của vợ chồng ông B bà Trang nên Hội đồng xét xử chấp nhận chia đôi bà A được nhận 03 chỉ vàng 18k và ông B được nhận 03 chỉ vàng 18k.

[5] Đối với ông H đại diện ủy quyền của bà D ông thừa nhận hiện nay bà D có giữ 06 chỉ vàng 18k và ông cho rằng số vàng là 06 chỉ vàng 18k bà A và mẹ bà A đã trả lại cho vợ chồng ông, nên ông không đồng ý trả lại. Xét thấy số vàng 06 chỉ vàng 18k là tài sản chung của vợ chồng bà A và ông B vì đây là số vàng cho trong ngày cưới, sau khi bà A đi về nhà cha mẹ ruột của bà A có giao lại cho bà D quản lý nên cần buộc bà D có trách nhiệm giao trả lại 06 chỉ vàng 18k cho ông B và bà A.

[6] Nợ chung: Không có.

[7] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu chia cho bà A 07 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k là có cơ sở chấp nhận 01 phần đối với 06 chỉ vàng 18k, đối với 14 chỉ vàng 24k là không có cơ sở chấp nhận.

[8] Lời đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Hà Thùy A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản chung; ông Lâm Văn B phải chịu án phí chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hà Thùy A và ông Lâm Văn B.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Buộc bà Trần Thị D (Trần Ngọc D) giao trả lại cho ông Lâm Văn B 03 chỉ vàng 18k và bà Hà Thùy A 03 chỉ vàng 18k.

Địa điểm giao nhận Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

4. Về Nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Hà Thùy A phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 539.400 đồng án phí chia tài sản, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 1.240.000 đồng theo biên lai thu số 0008721 ngày 27/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, bà A được nhận lại 400.600 đồng ông Lâm Văn B phải chịu án phí chia tài sản chung 539.400 đồng nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nhiệm